TƯ TƯỞNG THÂN DÂN TRONG THƠ NGUYỄN TRÃI: CỘI NGUỒN VÀ BIỂU HIỆN

HOÀNG VĂN CƯỜNG
Trường Đại học Văn Hiến

Nhận bài ngày 10/4/2026. Sửa chữa xong 10/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

Abstract

Nguyen Trai is one of the greatest authors of classical Vietnamese literature. He is also an outstanding diplomat, a talented strategist military, a great cultural figure, an economist and is honored not only by Vietnam but also by the world as a cultural celebrity. Although his poetry and thoughts expressed love of nation, Buddhism-Taoism but Confucianism thoughts were many timed cited but maybe 'people first' thought was expressed most clearly in Uc Trai poetry collect and Quoc Am poetry collect. As for the 'people first' thought in Nguyen Trai's Uc Trai poetry and Quoc Am poetry collect was mentioned by several previous researchers generally in the past, basing on Uc Trai poetry collect and Quoc Am poetry collect, this article will delve into the 'people first' thought of Nguyen Trai.

Keywords: *Confucianism, nguyen trai, quoc am poetry collect, uc trai poetry collect, đai viet confucianist, 'people first' thought.*

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy lịch sử tư tưởng Việt Nam, tư tưởng lấy Phật giáo làm trung tâm đã bắt đầu từ thời Tiền Lê và kéo dài cho tới giữa thời Trần. Cuối đời Trần là giai đoạn chuyển giao cho tư tưởng lấy Nho giáo làm trung tâm với sự ủng hộ mạnh mẽ của các danh sỹ - nhà nho đương thời như Chu Văn An, Phạm Sư Mạnh, Trần Nguyên Đán hay Nguyễn Phi Khanh. Các vị trên đều ủng hộ chủ trương dùng Nho giáo làm nền tảng cho quốc gia, dùng Nho giáo để chấn chỉnh đất nước. Đến thời Hồ thì hai nhân vật đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đề cao Nho giáo và lấy Nho giáo làm ý thức hệ trung tâm của xã hội là Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi. Nho giáo đề cao Nhân-Nghĩa-Lễ-Trí-Tín được Khổng Tử khởi xướng nhằm hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng một xã hội trật tự, hài hòa. Nguyễn Trãi đề cao "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân" là ủng hộ Nho giáo với mục đích "yên dân" để cho nhân dân sống trong cảnh thái bình thịnh trị. Tư tưởng "thân dân" (lấy dân làm gốc, thương dân, vì dân) của Nguyễn Trãi cũng là sợi chỉ xuyên suốt cuộc đời "nhập thế" vì dân, vì nước thể hiện rõ ràng qua các trước tác của ông đặc biệt qua hai tập thơ chữ Hán và chữ Nôm. Đúng như người xưa nói "thi ngôn chí", hai tập thơ đã giúp Nguyễn Trãi dễ dàng bày tỏ nỗi niềm qua các bài thơ trác tuyệt của mình và cũng nhờ hai tập thơ này hậu thế chúng ta có cơ hội hiểu rõ hơn tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi - một trong những bậc anh hùng văn võ song toàn hiếm có trong lịch sử dân tộc.

2. Nhà nho kiệt xuất Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380-1442) là một trong những tác gia kiệt xuất của nền văn học cổ điển Việt Nam. Thơ văn của ông đã góp phần vào công cuộc trị nước và làm vẻ vang cho đất nước mà chưa có ai có thể so sánh được (*kinh bang hoa quốc cổ vô tiền* 經邦華國古無前) như lời của Nguyễn Mộng Tuân - bạn cùng thời và quan cùng triều với Nguyễn Trãi đã ngợi ca. Tài năng kiệt xuất trên lĩnh vực văn học của Ức Trai tiên sinh thể hiện rõ nét qua các tác phẩm của ông đúng như vua Lê Thánh Tông tán thán: *Tâm hồn Ức Trai tỏa sáng trong văn chương* (Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo-抑齋心上光奎藻). Xuất thân là một bậc đại nho nên dĩ nhiên các tư tưởng nho gia như trung quân, ái quốc, thân dân là chủ đạo thể hiện qua các tác phẩm của ông. Bài viết này sẽ đi sâu tìm hiểu về tư tưởng thân dân giới hạn trong các bài thơ của Nguyễn Trãi.

Email: cuonghv@vhu.edu.vn

3. Tư tưởng chủ đạo trong thơ Nguyễn Trãi - tư tưởng thân dân

3.1. Cội nguồn tư tưởng thân dân

3.1.1. Từ Nho giáo và truyền thống dân tộc

Tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc được các nhà Nho Trung Quốc đề cao cách đây trên 2000 năm khi Mạnh Tử nói: *dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh* -民為貴，社稷次之，君為輕 (dân là quý nhất, sau đó đến xã tắc, cuối cùng mới đến vua).

Nước ta từ thuở Kinh Dương Vương mở nước, truyền tới đời Hùng Vương thứ sáu có Thánh Gióng đánh giặc Ân, kế tới nước Âu Lạc thì An Dương Vương chống Triệu Đà là đã phải chống giữ giặc phương Bắc mạnh hơn gấp nhiều lần nên vua quan triều đình cùng nhân dân thường đoàn kết một lòng mới có thể giữ được nước nhà trước giặc ngoại xâm. Tư tưởng thân dân có lẽ cũng bắt nguồn và hết sức đề cao từ đó và được ghi chép lại trong chính sử từ khi ông cha ta mượn chữ Hán để sáng tác. Từ việc Thiền sư Pháp Thuận đề cập tới việc đoàn kết nhân dân cả nước cho nền thái bình trời Nam: *Quốc tộ như đằng lạc,/Nam Thiên lý thái bình* -國祚如藤絡， 南天裏太平 [Ngôi nước như dây leo quấn quít/Ở góc trời Nam (mở ra) cảnh thái bình] và cả trách nhiệm của triều đình: *Vô vi cư điện các,/Xứ xứ tức đao binh*-無為居殿閣， 處處息刀兵 (Dùng đường lối) vô vi ở nơi cung điện/Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh - Quốc Tộ) trong bài Quốc Tộ của Pháp Thuận khi ông trả lời vua Lê Đại Hành về phép trị nước. Cho tới vua Lý Thái Tổ khi quyết định dời đô cũng là nghĩ tới mối lợi to lớn của nhân dân: *thượng cẩn thiên mệnh, hạ nhân dân chí* – 上謹天命，下因民志 (trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân - Thiên Đô Chiếu); "*Kỳ địa quảng nhi thản bình, quyết thổ cao nhi sảng khải. Dân cư miệt hôn điếm chi khốn; vạn vật cực phồn phụ chi phong* - 其地廣而坦平，厥土高而爽塏。民居蔑昏墊之困，萬物極繁阜之丰 (Địa thế đất rộng mà bằng phẳng; đất đai cao mà thoáng, Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi - Thiên Đô Chiếu). Cũng ở thời Lý, khi Lý Thường Kiệt đem quân đánh phá thành Ung, Châu bên Trung Quốc, ông cũng nói rõ để dân họ biết mà yên tâm: *Ngã kim xuất binh, cố tương chủng tế. Hịch văn đáo nhật, dụng quảng văn tri. Thiết tự tư lường, mạc hoài chấn bố* - 我今出兵，固將拯濟。檄文到日，用廣聞知。切自思量，莫懷震怖 (Ta nay ra quân, cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự đắn đo, chớ có mang lòng sợ hãi! - Phạt Tống lộ bố văn) nhờ vậy mà quân đội Lý Thường Kiệt đã thành công phá Tống trên đất nhà Tống mà không bị nhân dân nhà Tống cản trở (Viện Văn học, 1977).

3.1.2. Từ truyền thống gia đình

Từ cuối thế kỷ XIV, trong nội bộ dòng họ của Nguyễn Trãi đã có sự quan điểm khác nhau về lịch sử và về lẽ sống. Ông cố và ông nội là tướng lĩnh cao cấp đời Trần. Ông cố là Nguyễn Công Luật giữ chức Giám quân hành cung Thiên Trường và ông nội là Nguyễn Minh Du giữ chức Quản quân thiết sang lãnh đạo một trong năm đội Cấm quân tại triều đình. Hai vị này đã từng phò giúp Thái úy Trang Định vương Trần Ngạc chống lại Hồ Quý Ly chuyên quyền vào khoảng năm 1385. Việc không thành nên bị họ Hồ sát hại, vạ lây cả gia tộc. Trong khi đó hai cha con Nguyễn Trãi lại theo Trần Nguyên Đán, có thái độ ứng xử mềm dẻo hơn nên được bảo toàn cả gia đình. Sau đó, năm 1401, cả hai cha con ông lại làm quan cho nhà Hồ. Như thế có thể thấy rằng Nguyễn Trãi ít nhiều thừa hưởng tính cách quật cường, khảng khái của bên nội. Ông ngoại Nguyễn Trãi là Chương Túc Quốc Thượng hầu Tư đồ Trần Nguyên Đán (1325-1390), hoàng tộc nhà Trần, ông là cháu bốn đời của Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải - con trai thứ của Trần Thái Tông, người sáng lập nhà Trần. Quan Tư đồ là người có học vấn uyên thâm, nổi tiếng thơ văn, giỏi lịch pháp, thiên văn, độn số và là người có công giúp Cung Định vương Tả Tướng quốc Trần Phủ (tức Trần Nghệ Tông 1370-1372, nhường ngôi cho em và làm Thượng hoàng 1372-1394) tiêu diệt Dương Nhật Lễ để khôi phục nhà Trần, được phong tước hầu, giữ chức Tư đồ quyền ngang Tể tướng (Nguyễn Công Lý, 2011).

Nho giáo ngày càng được coi trọng vào thời nhà Trần do đó tư tưởng thân dân được thể hiện rất đậm nét trong thơ văn thời kỳ này. Như ta thấy Trần Hưng Đạo từng nhấn mạnh: *"Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc mới là thượng sách giữ nước"*, danh tướng Trần Quang Khải cũng nhấn mạnh

"*Thái bình tu trí lực,/vạn cổ thử giang sơn* - 太平須努力, 萬古此江山 (Buổi thái bình nên dốc toàn sức lực,/Thì non sông này muôn đời dài lâu)". Đến ông ngoại Nguyễn Trãi là Trần Nguyên Đán thì tư tưởng thân dân, lo cho dân càng rõ rệt. Ông viết: *Tam vạn quyển thư vô dụng xứ,/Bạch đầu không phụ ái dân tâm* - 三萬卷書無用處，白頭空負愛民心 (Đọc ba vạn quyển mà thành vô dụng,/ Bạc đầu luống phụ lòng thương dân- *Nhâm Dần niên lục nguyệt tác*). Nguyễn Phi Khanh, thân phụ của Nguyễn Trãi, lại ước mình như chiếc ống bễ quạt hơi nóng sưởi ấm cho người dân trong tiết trời giá lạnh đã đủ nói lên tư tưởng thương dân của mình: *An đắc thử thân như thác thược,/Hòa phong hư biến cửu châu tâm* - 安得此身如橐籥，和風噓遍九州心 (Mong sao thân này được như cái ống bễ,/Thổi ngọn gió hòa vào khắp lòng người chín châu - *Xuân hàn*) (Đinh Gia Khánh, 2000).

Về dùng chữ Nôm để sáng tác thơ ca, Nguyễn Trãi là người đặt nền móng mững chắc cho nền văn học trung đại Việt Nam phát triển rực rỡ. Như nhận xét của Hoàng Thị Thu Thủy (2004): "*Quốc Âm thi tập là bước ngoặt quan trọng trong nền thơ ca nước nhà, mở màn đột phá cho thơ ca Việt Nam sang tác bằng tiếng mẹ đẻ, tạo đà cho thơ ca Việt Nam phát triển trên cơ sở về với cội nguồi dân tộc*". Việc dùng chữ Hán để sáng tác văn chương, Nguyễn Trãi tuy không phải là người đầu tiên dùng chữ Hán để sáng tác thơ ca, nhưng để sáng tác được rất nhiều bài thơ chữ Hán trác tuyệt thì phải kể Nguyễn Trãi là người đầu tiên. Ông chắt lọc tinh hoa của tiền nhân để tạo ra các tuyệt tác nghệ thuật của riêng mình gồm có cái tầm nhìn xa trông rộng cho tiền đồ dân tộc như Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ; cái khí thế hào hùng của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo; có cái tinh thần quật cường khảng khái của Chu Văn An, Trần Nguyên Đán; có cái canh cánh lo việc nước của kẻ sỹ như Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Đặng Dung; có cái phiêu dật thoát tục của Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Nguyễn Quảng Nghiêm và Đại sư Mãn Giác; có cái dạt dào thi hứng của Trần Nhân Tông, Trương Hán Siêu, Nguyễn Phi Khanh; có tấm lòng yêu dân như Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh. Về mặt tư tưởng lẫn phong cách nghệ thuật, thơ Nguyễn Trãi xứng đáng là cây đại thụ ngàn năm rợp bóng ảnh hưởng cho thơ ca hậu thế cho đến tận ngày nay. Như vậy có thể thấy tư tưởng thân dân trong thơ Nguyễn Trãi có sự kế thừa và phát huy từ các bậc danh nhân tiền bối Lý, Trần, Hồ đặc biệt là ông ngoại Trần Nguyên Đán và thân phụ Nguyễn Phi Khanh. Nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn cũng nhận xét rằng tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi không phải là sản phẩm tự thân, do Nguyễn Trãi nghĩ ra mà có nhiều cội nguồn sâu xa, đặc biệt là từ Trần Nguyên Đán - ông ngoại Nguyễn Trãi - và Nguyễn Phi Khanh, người cha thân thiết của Nguyễn Trãi (Trần Nho Thìn, 2016) hoặc nhà nghiên cứu Nguyễn Công Lý cũng cho rằng Ức Trai tiên sinh không những chịu ảnh hưởng từ truyền thống của dòng họ, gia đình; được tiếp thu một nền giáo dục có hệ thống và uyên bác cùng tư tưởng thân dân của ông ngoại và cha; từng sống một đời sống thanh bạch, giản dị, gần gũi nhân dân, thấu hiểu dân tình mà tiên sinh còn thừa hưởng những truyền thống quý giá và cao đẹp của lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, còn nếu tính từ ngày Ngô Quyền giành lại độc lập sau hơn nghìn năm Bắc thuộc thì Nguyễn Trãi là sự kết tinh những tinh hoa của thời đại mà hai triều Lý và Trần là tiêu biểu (Nguyễn Công Lý, 2011). Chính hai triều đại này đã tạo nên một nền văn hóa Thăng Long rực rỡ, thể hiện một tính chất chung: Chất Đại Việt. Ông đúng là sự kết tinh những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất, tinh hoa nhất của thời đại đó, có sự kết hợp với thực tiễn đất nước hồi đầu thế kỷ XV. Tư tưởng này được thể hiện rõ trong thơ chữ Hán và chữ Nôm của ông.

3.2. Biểu hiện của tư tưởng thân dân

3.2.1. Lấy dân làm gốc

Nguyễn Trãi tiếp thu tinh hoa Nho giáo và chịu ảnh hưởng sâu sắc của các bậc danh sĩ đi trước, đồng thời ông phát triển tư tưởng "thân dân" lên một tầm cao mới như trong bài Quan Hải, ông khẳng định: *Phúc chu thủy tín dân do thủy,/thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên* - 覆舟始信民猶水，恃險難憑命在天 (Thuyền bị lật mới tin câu nói "dân như nước"/Cậy hiểm thì khó dựa, vì có mệnh nơi trời). Trong bài này và một số bài thơ khác, Nguyễn Trãi cũng đánh giá cao Hồ Quý Ly là bậc anh hùng nhưng vì không được lòng dân nên thất bại trong cuộc kháng chiến chống lại quân Minh xâm lược. Đào Vũ Vũ (2015) cũng cho rằng thời nhà Hồ có hai nhân vật đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đề cao Nho giáo và lấy Nho giáo làm ý thức hệ trung tâm của xã hội là Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi. Hồ Quý Ly chủ trương

Nho giáo với các giá trị thực dụng nhưng lại thất bại trong việc lấy lòng dân còn Nguyễn Trãi đề cao giá trị nhân nghĩa trong Nho giáo để thân dân, đoàn kết cộng đồng và xây dựng nên nhà Lê.

Sau chiến tranh chống quân Minh, ông nhớ lại *Ức tích Lam Sơn ngoạn võ kinh,/Đương thời chí dĩ tại thương sinh* - 憶昔藍山玩武經， 當時志已在蒼生 (Nhớ khi xưa ở Lam Sơn đọc sách binh pháp,/Bấy giờ chí (của nhà vua) đã hướng về dân đen - Hạ Quy Lam Sơn bài 2). Đọc võ kinh - tức binh pháp, là để giải phóng đất nước, đem lại hòa bình cho thương sinh - dân lành.

Trong bài Mạn hứng kỳ tam, Nguyễn Trãi cũng nói lên nỗi lòng canh cánh lo cho dân cho nước "Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ - tiên ưu, hậu lạc". *Ải ốc thê thân kham độ lão,/thương sinh tại niệm độc tiên ưu* - 矮屋棲身堪度老, 蒼生在念獨先憂 (Nương thân dưới mái nhà lụp xụp có thể qua tuổi già,/Lòng luôn nghĩ đến dân đen, một mình lo trước thiên hạ). Hoặc trong bài Hải khẩu dạ bạc hữu cảm, Tiên sinh cũng trằn trọc không ngủ vì lo cho nhân dân. *Bình sinh độc bão tiên ưu niệm,/tọa ủng hàn khâm dạ bất miên* - 平生獨抱先憂念, 坐擁寒衾夜不眠 (Suốt đời riêng ôm cái chí "lo trước thiên hạ",/ngồi khoác mảnh chăn lạnh thâu đêm không ngủ). Tư tưởng "tiên ưu, hậu lạc" còn được ông nhắc trong bài Thứ vận Thượng thư Nguyễn Bố chánh thảo đường. *Hậu lạc tưởng tri chung hữu ý,/hảo tương sự nghiệp bách niên khan* - 後樂想知終有意，好將事業百年看 ("Vui sau thiên hạ" biết là ông cũng có ý đó,/Hãy đem cái sự nghiệp trăm năm mà xem sẽ rõ) (Mai Quốc Liên, 2001).

Trong *Quốc Âm Thi Tập*, Nguyễn Trãi nhiều lần dằn vặt rằng mình không làm gì giúp cho quốc phú binh cường và giúp ích cho dân. Đấy là bởi ông luôn xem đó là trọng trách mình phải gánh vác và luôn tự răn mình không được làm tổn hại đến dân: *Quốc phú binh cường chăng có chước,/Bằng tôi nào thuở ích chưng dân* -Trần tình bài 1 và *Đọc sách thì thông đòi nghĩa sách,/Đem dân, mựa nữa mất lòng dân* -Bảo kính cảnh giới bài 57 (Bùi Văn Nguyên, 2003).

3.2.2. Thương dân, đồng cảm với nỗi khổ của dân và mong cho nhân dân có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc

Thơ Nguyễn Trãi chan chứa niềm xót xa trước cảnh dân lành lầm than trong chiến tranh và áp bức như trong bài Loạn hậu cảm tác, Nguyễn Trãi bày tỏ nỗi xót thương: *Thần châu nhất tự khởi can qua,/vạn tính ngao ngao khả nại hà* - 神州一自起干戈， 萬姓嗷嗷可奈何 (Đất Thần châu từ khi có loạn lạc,/Muôn dân xao xác không biết làm thế nào). Cho dù đã mang lại thái bình cho nhân dân nhưng vẫn phải lo giữ nền thái bình ấy bằng việc xây dựng quân đội để phòng xa việc binh đao: *Bắc Hải đương niên dĩ lục kình,/yến an do lự cật nhung binh* - 北海當年已戮鯨, 燕安猶慮詰戎兵 (Năm ấy đã diệt xong cá kình ở biển Bắc,/Nay yên ổn vẫn còn lo luyện tập quân sự) nhưng rốt cuộc Nguyễn Trãi nhắc vua về văn trị: *Thánh tâm dục dữ dân hưu tức,/Văn trị chung tu trí thái bình* - 聖心欲與民休息，文治終須致太平 (Lòng vua muốn cùng nhân dân nghỉ ngơi,/Rốt cuộc phải dùng văn trị mà xây dựng cảnh thái bình - Quan duyệt thủy trận); *Quyền mưu bản thị dụng trừ gian,/Nhân nghĩa duy trì quốc thế an* - 權謀本是用除姦，仁義維持國勢安 (Quyền mưu vốn chỉ dùng để trừ gian,/Nhân nghĩa mới duy trì cho thế nước được yên - Hạ qui Lam Sơn bài 1). Cũng trong *Quốc Âm Thi Tập*, Nguyễn Trãi không ít lần bày tỏ mong muốn tột bậc rằng dân được sống trong cảnh thái bình thịnh trị như trong Tự thán bài 4, ông viết: *Vua Nghiêu, Thuấn, dân Nghiêu, Thuấn,/ Dường ấy ta đà phỉ sở nguyền*. Hay như trong bài Bảo kính cảnh giới bài 43 ông ước: *Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,/Dân giàu đủ, khắp đòi phương.* Ở đây Nguyễn Trãi có một mong muốn tột bậc là mong mỏi trăm họ Đại Việt được sống cảnh ấm no hạnh phúc. Thần thoại Trung Quốc mô tả thời đại Nghiêu Thuấn thuộc Trung Quốc cổ xưa là thời trăm họ được sống trong cảnh ấm no hạnh phúc. Riêng vua Ngu Thuấn có khúc hát *Nam phong*, trong đó có câu đại ý là: "*Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta thêm nhiều của*". Ngu cầm là đàn của vua Ngu Thuấn. Ý của ông là hãy để cho ta có đàn của vua Thuấn để đàn một khúc *Nam phong*. Tấm lòng lo cho đất nước và thương yêu nhân dân của ông đêm ngày cuồn cuộn như sóng triều dâng: *Bui một tấc lòng ưu ái cũ,/đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông* - Thuật hứng bài 5 (Bùi Văn Nguyên, 2003).

3.2.3. Nỗi lòng canh cánh vì nước, vì dân

Nguyễn Trãi vừa là nhà nho vĩ đại với tinh thần dấn thân cứu đời không mệt mỏi đúng với tinh thần

Nho giáo - nhập thế như câu thơ *nhất tâm báo quốc thượng hoàn hoàn,/Tiểu cấu mao đình thả tự khoan* 一心報國尚桓桓, 小構茆亭且自寬 (Một lòng đền nợ nước vẫn còn hăng hái,/Dựng nhà nhỏ bằng tranh tạm cho mình tự khoan khoái) trong bài Thứ vận Thượng thư Nguyễn Bố chánh thảo đường. Nhiều lần trong thơ của mình Nguyễn Trãi than thở về việc chưa thể giúp dân nhiều hơn:

Phác tán thuần ly thánh đạo nhân,/Ngô nho sự nghiệp yểu vô văn.

Phùng thời bất tác Thương Nham vũ,/Thối lão tư canh Cốc Khẩu vân.

朴散淳漓聖道湮，/吾儒事業杳無聞。

逢時不作商岩雨 ，/退老思耕谷口雲.

(Tính chất phác đã tiêu tan, nết thuần hậu đã phai nhạt

Sự nghiệp của nhà nho ta vắng lặng, không còn nghe thấy gì nữa.

Lúc gặp thời, không làm được trận mưa ở Thương Nham,

Khi già lui về, nghĩ đến việc cày mây Cốc Khẩu - Mạn Hứng bài 4).

Tấm lòng thương dân của Nguyễn Trãi cũng được miêu tả hết sức rõ nét trong *Quốc Âm Thi Tập* như bài Tùng, bài 3 ông viết:

Hổ phách, phục linh nhìn mới biết,/Dành, còn để trợ dân này;

Và trong bài Lão dung ông viết*:*

Tuy đà chưa có tài lương đống,/Bóng cả như còn rợp đến dân

Hoặc trong bài Tự thán bài 2 Nguyễn Trãi cũng trăn trở:

Niềm cũ sinh linh, đeo ắt nặng, /Cật chưng hồ hải, đặt chưa an.

Những vì chúa thánh, âu đời trị, /Há kể thân nhàn, tiếc tuổi tàn.

3.3. Nhà nho vĩ đại nhất Đại Việt

Rất nhiều lần Nguyễn Trãi nhắc tới các bậc danh nho Việt Nam hoặc Trung Quốc khi gặp các hoàn cảnh tương tự với họ để tả nỗi lòng của chính mình. Nói về tấm lòng trung nghĩa và lo cho đất nước ông viết: Tử Mỹ cô trung *Đường nhật nguyệt,/Bá Nhân song lệ Tấn sơn hà* – 子美孤忠唐日月，伯仁雙淚晉山河 (Tử Mỹ một lòng giữ tấm cô trung với ngày tháng nhà Đường, /Bá Nhân ứa hai dòng lệ buồn khóc non sông nhà Đông Tấn - Loạn hậu cảm tác). Ông cũng ca ngợi các bậc danh Nho Đại Việt thuở trước khi than: *Lê Phạm phong lưu ta tiệm viễn,/Thanh đài bán thực bích gian thi* - 黎范風流嗟漸遠，青苔半蝕璧間詩 (Cốt cách phong lưu của họ Lê họ Phạm than ôi cũng xa dần,/rêu xanh đã ăn lấn phân nửa bài thơ trên vách đá - Long Đại Nham). Có lẽ nỗi lòng lo cho nước cho dân của Nguyễn Trãi đeo đuổi ông từ khi ông còn lo đèn sách "*một thân lẩn quất đường khoa mục,/Hai chữ mơ màng việc quốc gia* - Ngôn Chí bài 7*)* cho nên ông rất nhiều lần ông nhắc tới các bậc thánh hiền khi liên hệ tới bản thân mình. Ví dụ như trong bài Mạn thành kỳ nhất ông viết: *Trọng Ni Tam nguyệt vô quân niệm,/Mạnh Tử cô thần lự hoạn tâm* - 仲尼三月無君念，孟子孤臣慮患心 (Mang nỗi niềm "ba tháng không vua" của Trọng Ni,/Có tấm lòng "cô thần lo hoạn nạn" của Mạnh Tử). Đặc biệt trong thơ mình Tiên sinh nhiều lần dùng từ "tư văn" của Khổng Tử cho thấy tầm vóc của ông với tiền đồ dân tộc thật là lớn lao xưa nay chưa từng có, ông xứng đáng là bậc "Văn Thánh" của Đại Việt: *Thiên địa tư văn tòng cổ trọng,/ Hồ sơn thanh hứng nhập thu cao* - 天地斯文從古重，湖山清興入秋高 (Nền tư văn trong trời đất, từ xưa vốn trọng,/ hứng thanh nhã đối với núi hồ, vào thu càng cao - Thu nhật ngẫu thành). Hoặc trong bài Oan thán ông cũng viết: *Số hữu nan đào tri thị mệnh,/Văn như vị táng dã quan thiên* - 數有難逃知是命 ，文如未喪也關天 (Số khó tránh được, biết là do mệnh,/Văn ấy nếu như chưa mất, cũng bởi trời). Bởi vậy ta không ngạc nhiên khi ông thấy mình chưa làm được gì thì cố gắng truyền đạo thánh hiền: "*Tơ hào chẳng có đền ơn chúa,/Dạy láng giềng, mấy sĩ nho*" - Ngôn chí bài 14 hoặc tiên sinh nhắn nhủ với kẻ sỹ hậu thế: "*Mấy kẻ tư văn sinh đất Việt,/đạo này nối nắm để cho dài*" - Tự thán bài 22.

Xem tiếp trang 126